

Số: 73/2026/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP và Nghị định số 110/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 261/2025/NĐ-CP, Nghị định số 291/2025/NĐ-CP và Nghị định số 50/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 178/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 51 và điểm b khoản 6 Điều

52 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15 (viết tắt là Luật Bảo vệ môi trường).

2. Đối tượng áp dụng

a) Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường (gọi tắt là Chủ đầu tư) tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Điều kiện áp dụng

Dự án đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp được khuyến khích thực hiện xã hội hóa phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ

1. Chủ đầu tư thực hiện đầu tư nhiều công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp được ưu đãi, hỗ trợ thì được hưởng ưu đãi, hỗ trợ tương ứng đối với các công trình đó.

2. Trường hợp dự án hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp cùng được ưu đãi, hỗ trợ theo nhiều quy định, chính sách thì được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định có mức ưu đãi, hỗ trợ cao hơn.

3. Chủ đầu tư được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo điều kiện, trình tự và thời điểm thực hiện theo quy định của pháp luật đối với từng loại chính sách ưu đãi, hỗ trợ.

Điều 4. Nội dung ưu đãi, hỗ trợ đối với dự án đầu tư, kinh doanh hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và cụm công nghiệp theo hình thức xã hội hóa

Chủ đầu tư dự án xây dựng, kinh doanh công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang được ưu đãi, hỗ trợ về đất đai, vốn đầu tư, thuế, phí và lệ phí. Cụ thể:

1. Hỗ trợ về đất đai

Chủ đầu tư dự án được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ về đất đai theo quy định tại khoản 1 Điều 141 Luật Bảo vệ môi trường, khoản 1 Điều 132 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP, Nghị định số 110/2026/NĐ-CP và Điều 39 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 261/2025/NĐ-CP, Nghị định số 291/2025/NĐ-CP, Nghị định số 50/2026/NĐ-CP.

2. Ưu đãi, hỗ trợ về vốn đầu tư

a) Chủ đầu tư được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ về vốn đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 141 Luật Bảo vệ môi trường; Điều 133 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

b) Được xem xét tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, tài trợ hoặc đồng tài trợ từ Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của Quỹ trong từng thời kỳ.

3. Ưu đãi về thuế, phí và lệ phí

Chủ đầu tư được hưởng các ưu đãi về thuế, phí và lệ phí theo quy định tại Điều 134 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Ngoài việc được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật, các dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường thuộc một trong các trường hợp sau được ưu tiên trong công tác xúc tiến đầu tư, cung cấp thông tin, hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện các thủ tục về đầu tư, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường và các thủ tục khác có liên quan theo quy định của pháp luật và khả năng cân đối nguồn lực của cơ quan nhà nước:

a) Thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ.

b) Đầu tư tại khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp chưa có hoặc chưa đáp ứng yêu cầu về hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định.

c) Dự án ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ thân thiện môi trường, kinh tế tuần hoàn, tiết kiệm năng lượng.

Điều 5. Quyền và trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Quyền của chủ đầu tư

a) Được quyền lựa chọn hình thức, quy mô, địa bàn đầu tư phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; trực tiếp kinh doanh, vận hành hoặc ủy thác kinh doanh, vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường và thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

b) Được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, thuế, tín dụng và bảo vệ môi trường.

c) Được bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp trong quá trình đầu tư, kinh doanh, vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

d) Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của chủ đầu tư

a) Thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 51, khoản 3 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường; khoản 1 Điều 49 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

b) Đáp ứng quy định chung về bảo vệ môi trường đối với khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

c) Thực hiện yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường đối với khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

d) Vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

đ) Phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan trong việc giải phóng mặt bằng và triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định.

e) Cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến dự án theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi thực hiện thủ tục đề nghị hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Là cơ quan đầu mối tiếp nhận, hướng dẫn, cung cấp hoặc chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan cung cấp thông tin cho chủ đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy định này; hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện trình tự, thủ tục, hồ sơ về đất đai, môi trường để được thụ hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định.

2. Sở Công Thương phối hợp tổ chức thực hiện xúc tiến đầu tư, huy động xã hội hóa trong đầu tư xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; phối hợp kiểm tra, giám sát việc đáp ứng các điều kiện hưởng ưu đãi, hỗ trợ đối với chủ đầu tư dự án hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực trong hoạt động xúc tiến đầu tư, huy động xã hội hóa trong đầu tư xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4. Thuế tỉnh Tuyên Quang chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn trình tự thủ tục, hồ sơ để được thụ hưởng ưu đãi, hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật hiện hành đối với dự án đầu tư xây dựng hạ

tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn chủ đầu tư dự án hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và cụm công nghiệp thực hiện các thủ tục, hồ sơ theo quy định của pháp luật về xây dựng để được thụ hưởng ưu đãi, hỗ trợ tại Điều 4 Quyết định này.

6. Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh Tuyên Quang

a) Thực hiện rà soát, đánh giá hạ tầng bảo vệ môi trường của các khu công nghiệp, khu kinh tế thuộc thẩm quyền quản lý; đề xuất dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp, khu kinh tế do nhà nước đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường vào danh mục dự án thu hút đầu tư, gửi Sở Tài chính tổng hợp, bổ sung vào danh mục các dự án thu hút đầu tư hằng năm.

b) Chủ động huy động, kêu gọi xã hội hóa đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại khu công nghiệp, khu kinh tế chưa đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn chủ đầu tư lập hồ sơ và thực hiện trình tự để được thụ hưởng ưu đãi, hỗ trợ tại Điều 4 Quyết định này và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật.

7. Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang có trách nhiệm hướng dẫn, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ; xem xét cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, tài trợ, đồng tài trợ và các hình thức hỗ trợ khác theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và quy định của pháp luật có liên quan.

8. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thực hiện rà soát, đánh giá hạ tầng bảo vệ môi trường của các cụm công nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý; đề xuất dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các cụm công nghiệp do nhà nước đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường vào danh mục dự án thu hút đầu tư, gửi Sở Tài chính tổng hợp, bổ sung vào danh mục các dự án thu hút đầu tư hằng năm.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn chủ đầu tư lập hồ sơ và thực hiện trình tự để được thụ hưởng ưu đãi, hỗ trợ tại Điều 4 Quyết định này và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật.

9. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp triển khai thực hiện Quyết định này; có trách nhiệm cung cấp thông tin thuộc lĩnh vực quản lý theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường để cung cấp thông tin cho chủ đầu tư; bảo đảm công khai, minh bạch, kịp thời và đúng quy định của pháp luật.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ, một phần các Quyết định sau:

a) Bãi bỏ Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy định khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường đối với khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Bãi bỏ danh mục Quyết định số thứ tự 8 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương;
- Cục KTVB&TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế, Bộ Công Thương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- Như khoản 4 Điều 7;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Cơ sở dữ liệu VBQPPL tỉnh (đăng tải);
- Trung tâm TT-HN tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT, QHĐT XD (TL).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Gia Long